TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2024
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Phiến;

2. Bà Cao Thị Bích Ngọc;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Lâm Hoàng Huynh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2024/TLST- HNGĐ, ngày 29/03/2024 về *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/QĐXXST- HNGĐ ngày 12/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Trúc L, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B, AĐ1, ấp A, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Đặng Thanh N, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Phạm Thị Trúc L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh Đặng Thanh N có quen biết và được tổ chức cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C tỉnh Đồng Tháp vào ngày 24/11/2011.

Sau khi kết hôn, vợ chồng đi làm và chung sống với nhau ở Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2019, chị L trở về nhà cha mẹ ruột tại ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre, anh N trở về nhà cha mẹ ruột tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp sinh sống nên vợ chồng mỗi người sống mỗi nơi. Do vợ chồng không sống cùng nhau nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Từ năm 2020 cho đến nay anh N không quan

tâm đến vợ con. Tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Hiện nay tình cảm không còn nên chị Phạm Thị Trúc L yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Thanh N.

- Về con chung: chị L và anh N chung sống với nhau có 01 con chung tên Đặng Yến T sinh ngày 6/01/2013. Chị L yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đặng Thanh N có văn bản trình bày ý kiến:

Thống nhất như trình bày của chị L về thời gian kết hôn, anh và chị L quen biết và tìm hiểu nhau vào năm 2007 – 2008, đến năm 2011 có tổ chức cưới, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi tổ chức cưới thì vợ chồng chung sống và làm việc ở S đến năm 2014 thì chị L trở về nhà cha mẹ ruột ở Bến Tre sinh sống, còn anh N trở về sinh sống ở nhà cha mẹ ruột tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nhưng anh cũng thường xuyên đến thăm vợ con. Đến cuối năm 2023, anh có trao đổi với chị L về việc anh sẽ sắp xếp việc gia đình để sống cùng với chị và con nhưng chị L không đồng ý. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay.

Về con chung: anh N và chị L chung sống với nhau có 01 con chung tên Đặng Yến T sinh ngày 6/01/2013. Anh N đồng ý để chị L tiếp tục nuôi Yến Thy sau khi ly hôn, anh N không cấp dưỡng nuôi con.

* Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký: Tại phiên toà Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Trúc L được ly hôn với anh Đặng Thanh N. Về con chung: áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Đặng Yến T sinh ngày 6/01/2013 cho chị L nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: chị L và anh N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị Trúc L yêu cầu ly hôn với anh Đặng Thanh N là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh N đang cư trú tại ấp T, xã A, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Phạm Thị Trúc L và anh Đặng Thanh N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Trúc L và anh Đặng Thanh N chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2014, do hoàn cảnh gia đình nên vợ chồng không còn sống chung, mỗi người sống một nơi dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Anh N cũng động viên vợ chồng sắp xếp để chung sống trở lại nhưng chị L không đồng ý.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc. Trong thời gian chung sống, do hoàn cảnh gia đình nên vợ chồng không thể chung sống với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, anh N cũng động viên chị L chung sống trở lại nhưng chị L không đồng ý điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị L và anh N đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Trúc L được ly hôn với anh Đặng Thanh N.

[3] Về con chung: chị L và anh N chung sống với nhau có 01 con chung tên Đặng Yến T sinh ngày 6/01/2013. Chị L yêu cầu được nuôi Yến Thy sau khi ly hôn, chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ lúc chị L và anh N sống ly thân thì cháu Yến T sống với chị L cho đến nay cuộc sống của cháu đã ổn định và cháu T cũng có nguyện vọng được sống với chị L, anh N cũng đồng ý để cháu Yến T cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn; do đó để đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu Yến T nên giao cháu T cho chị L nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: chị L và anh N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Nợ chung: chị L và anh N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như đã phân tích trên là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội. Chị Phạm Thị Trúc L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị Trúc L.

Chị Phạm Thị Trúc L được ly hôn với anh Đặng Thanh N.

2. Về con chung: giao cháu Đặng Yến T sinh ngày 6/01/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con (cháu T đang sống với chị L).

Anh Đặng Thanh N có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: chị L và anh N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: chị L và anh N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp ngày 29/03/2024 theo biên lai số 0002294 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được chuyển thành án phí chị L phải nộp.

6. Nguyên đơn chị Phạm Thị Trúc L và anh Đặng Thanh N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- UBND xã An Hiệp, huyện Châu Thành (Số 122/2011 ngày 24/11/2011);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Loan